TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 170/2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 30 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1995. Nơi cư trú: P.1202/T4, tổ 50, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1998. Nơi cư trú: P.1202/T4, tổ 50, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2024, người yêu cầu là ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T đăng ký kết hôn năm 2018 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 14/02/2018).

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung nên vợ chồng

thường xuyên cãi vả. Hai ông bà đã sống ly thân, không ai còn trách nhiệm gì với nhau. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau và đã thuận tình ly hôn nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Phúc L, sinh ngày 01/6/2019. Ly hôn, ông bà thoả thuận về vấn đề con chung như sau:

Giao con chung Phạm Phúc L, sinh ngày 01/6/2019 cho bà Võ Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/8/2024.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng; ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002723 ngày 11/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp ngày 14/02/2018 không còn giá trị pháp lý).

* Về con chung: Ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Phúc L, sinh ngày 01/6/2019. Ly hôn, ông bà thoả thuận về vấn đề con chung như sau:

Giao con chung Phạm Phúc L, sinh ngày 01/6/2019 cho bà Võ Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/8/2024.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về tài sản chung: Ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: 300.000 đồng; ông Phạm Ngọc A và bà Võ Thị Bích T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002723 ngày 11/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND xã G, huyện G, tỉnh N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa